|  |  |
| --- | --- |
| **ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: /2023/QĐ-UBND  *“Dự thảo 1”* | *Bắc Giang, ngày tháng năm 2023* |

**QUYẾT ĐỊNH**

**Ban hành Quy định về cán bộ, công chức và người**

**hoạt động không chuyên trách ở cấp xã trên địa bàn tỉnh Bắc Giang**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;*

*Căn cứ Luật Cán bộ, công chức ngày 13 tháng 11 năm 2008 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức ngày 25 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Nghị định số*[*33/2023/NĐ-CP*](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/bo-may-hanh-chinh/nghi-dinh-34-2019-nd-cp-can-bo-cong-chuc-cap-xa-va-nguoi-hoat-dong-khong-chuyen-trach-o-cap-xa-412266.aspx)*ngày 10 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ quy định về cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số ......./TTr-SNV ngày...... tháng......năm 2023.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về cán bộ, công chức và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã trên địa bàn tỉnh Bắc Giang.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực ngày 01 tháng 01 năm 2023.

Quyết định này thay thế Quyết định số 05/2020/QĐ- UBND ngày 11 tháng 3 năm 2020 ban hành quy định tiêu chuẩn, quy trình tuyển chọn và bố trí kiêm nhiệm người hoạt động không chuyên trách ở xã, phường, thị trấn và ở thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Bắc Giang và Quyết định số 38/2020/QĐ-UBND ngày 24 tháng 11 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quy định tiêu chuẩn, tuyển dụng, sử dụng, quản lý cán bộ, công chức và người hoạt động không chuyên trách ở xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh Bắc Giang.

**Điều 3.** Giám đốc Sở, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị thuộc UBND tỉnh; Chủ tịch UBND huyện, thành phố; Chủ tịch UBND xã, phường, thị trấn và các cơ quan, đơn vị, cá nhân có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:*** - Như Điều 3; - Vụ Pháp luật (Văn phòng Chính phủ); - Vụ Pháp chế (Bộ Nội vụ); - Cục Kiểm tra VBQPPL (Bộ Tư pháp); - TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh; - CT, các PCT UBND tỉnh; - Văn phòng Đoàn ĐBQH & HĐND tỉnh; - VP Tỉnh ủy, các cơ quan thuộc Tỉnh ủy; - Các Ban HĐND tỉnh; - UBMTTQVN và các tổ chức CT-XH tỉnh; - Các cơ quan TW trên địa bàn tỉnh; - VPUBND tỉnh: LĐVP, các phòng, Trung tâm thông tin; - Lưu: VT, NC. | **TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  CHỦ TỊCH**  **Lê Ánh Dương** |

**QUY ĐỊNH**

**về cán bộ, công chức và người hoạt động không chuyên trách**

**ở cấp xã trên địa bàn tỉnh Bắc Giang**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số /2023/QĐ-UBND ngày ..... tháng .... năm 2023* *của UBND tỉnh Bắc Giang)*

**Chương I**

**QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Quy định này quy định về tiêu chuẩn, tuyển dụng, quản lý cán bộ, công chức và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã trên địa bàn tỉnh Bắc Giang.

**Điều 2. Đối tượng áp dụng**

1. Cán bộ, công chức cấp xã có chức vụ, chức danh quy định tại Điều 5 Nghị định số [33/2023/NĐ-CP](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/bo-may-hanh-chinh/nghi-dinh-34-2019-nd-cp-can-bo-cong-chuc-cap-xa-va-nguoi-hoat-dong-khong-chuyen-trach-o-cap-xa-412266.aspx) ngày 10 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ quy định về cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố (Nghị định số 33/2023/NĐ-CP).

2. Người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã (viết tắt là người HĐKCT ở cấp xã) có chức danh quy định tại Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Giang về một số nội dung liên quan đến người hoạt động không chuyên trách ở xã, phường, thị trấn, ở thôn, tổ dân phố và người trực tiếp tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Bắc Giang.

3. Cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến tiêu chuẩn, tuyển dụng, quản lý cán bộ, công chức và người HĐKCT ở cấp xã theo Quy định này.

**Chương II**

**TIÊU CHUẨN CÁN BỘ, CÔNG CHỨC CẤP XÃ**

**Điều 3. Tiêu chuẩn cụ thể cán bộ, công chức cấp xã**

Cán bộ cấp xã phải có đủ các tiêu chuẩn quy định tại khoản 1 Điều 7, Điều 8 Nghị định số 33/2023/NĐ-CP, công chức cấp xã phải có đủ các tiêu chuẩn quy định tại Điều 7, Điều 10 Nghị định số 33/2023/NĐ-CP và các tiêu chuẩn cụ thể như sau:

1. Độ tuổi:

a) Cán bộ cấp xã có chức vụ: Bí thư, Phó Bí thư Đảng ủy; Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân; Chủ tịch, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân (UBND) khi tham gia giữ chức vụ lần đầu phải đủ tuổi công tác ít nhất trọn 01 (một) nhiệm kỳ (60 tháng);

Cán bộ cấp xã có chức vụ quy định tại điểm d, e, g, h khoản 1 Điều 5 Nghị định số 33/2023/NĐ-CP tuổi giới thiệu ứng cử theo quy định của luật, điều lệ tổ chức và quy định của tổ chức chính trị- xã hội ở trung ương và hướng dẫn của cơ quan có thẩm quyền. Riêng Bí thư Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh khi tham gia giữ chức vụ lần đầu không quá 30 tuổi;

Trường hợp đặc biệt, độ tuổi cán bộ cấp xã theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền quản lý cán bộ;

b) Công chức cấp xã: Đủ 18 tuổi trở lên.

2. Trình độ giáo dục phổ thông: Tốt nghiệp trung học phổ thông; đối với chức vụ Chủ tịch Hội Cựu chiến binh Việt Nam cấp xã là người đang hưởng chế độ hưu trí, có tuổi đời trên 50 tuổi thì tốt nghiệp từ Trung học cơ sở trở lên.

3. Trình độ chuyên môn, nghiệp vụ: Tốt nghiệp đại học trở lên. Riêng chức danh Chỉ huy trưởng Ban chỉ huy quân sự cấp xã: Tốt nghiệp trung cấp ngành Quân sự cơ sở và đại học chuyên ngành khác hoặc cao đẳng Quân sự cơ sở trở lên.

4. Trình độ tin học, ngoại ngữ: Có kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản, ngoại ngữ hoặc tiếng dân tộc thiểu số (đối với cán bộ, công chức cấp xã công tác ở vùng dân tộc thiểu số) theo yêu cầu vị trí việc làm.

5. Trình độ lý luận chính trị: Các chức vụ Bí thư, Phó Bí thư Đảng ủy; Chủ tịch, Phó Chủ tịch HĐND; Chủ tịch, Phó Chủ tịch UBND; Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam; Chủ tịch Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam; Chủ tịch Hội Nông dân Việt Nam khi được phê chuẩn lần đầu giữ chức vụ phải có trình độ trung cấp lý luận chính trị. Chức vụ: Bí thư Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Chủ tịch Hội Cựu chiến binh không phải là cán bộ hưu và dưới 50 tuổi, người đang là cán bộ khuyến nông, cán bộ thú ý ở xã, phường, thị trấn được giới thiệu bầu chức vụ cán bộ cấp xã thì sau 30 tháng kể từ ngày được phê chuẩn lần đầu giữ chức vụ phải hoàn thiện trình độ trung cấp lý luận chính trị trở lên.

6. Chứng chỉ quản lý nhà nước ngạch chuyên viên và chứng chỉ khác:

a) Bí thư, Phó Bí thư Đảng ủy cấp xã; Chủ tịch, Phó Chủ tịch HĐND cấp xã và Chủ tịch, Phó Chủ tịch UBND cấp xã khi được phê chuẩn lần đầu giữ chức vụ phải có chứng chỉ quản lý nhà nước ngạch chuyên viên. Cán bộ cấp xã giữ chức vụ quy định tại điểm d, đ, e, g, h khoản 1 Điều 5 Nghị định số 33/2023/NĐ-CP sau khi bầu phải có chứng chỉ quản lý nhà nước ngạch chuyên viên trong nhiệm kỳ;

b) Các chứng chỉ khác: Cán bộ cấp xã khi tham gia giữ chức vụ lần đầu phải có chứng chỉ khác theo quy định của đảng, pháp luật, tổ chức chính trị- xã hội và hướng dẫn của cơ quan có thẩm quyền. Công chức cấp xã sau khi được tuyển dụng có chứng chỉ quản lý nhà nước ngạch chuyên viên và chứng chỉ bồi dưỡng chuyên ngành phù hợp với vị trí chức danh công chức cấp xã hiện đảm nhiệm.

7. Trường hợp Chủ tịch Hội Cựu chiến binh cấp xã là người đang hưởng chế độ hưu trí và có tuổi đời trên 50 tuổi không phải đáp ứng các tiêu chuẩn quy định tại khoản 3,4,6 Điều này.

**Điều 4. Tiêu chuẩn ngành đào tạo đối với công chức cấp xã**

1. Công chức cấp xã phải có đủ các tiêu chuẩn quy định tại Điều 3 Quyết định này và các tiêu chuẩn về ngành đào tạo phù hợp với yêu cầu nhiệm vụ của từng chức danh công chức cấp xã. Tiêu chuẩn ngành đào tạo căn cứ bằng tốt nghiệp theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, không phân biệt loại hình đào tạo, trường công lập hay ngoài công lập, cụ thể chức danh:

a) Chỉ huy trưởng BCHQS: Quân sự cơ sở;

b) Văn phòng - thống kê: Quản trị văn phòng; Văn thư - lưu trữ; Hành chính văn thư; Lưu trữ học và quản trị văn phòng; Luật; Hành chính; Nội vụ; Thống kê; Thống kê kinh tế- xã hội; Công nghệ thông tin; Quản trị nhân lực; Quản lý nhà nước; Quản lý hành chính công; Quản lý công; Chính sách công; Xây dựng Đảng và Chính quyền nhà nước; Kinh tế; Quản lý Kinh tế;

c) Địa chính - xây dựng - đô thị và môi trường(đối với phường, thị trấn): Địa chính; Địa chính môi trường; Quản lý đất đai; Kỹ thuật trắc địa - Bản đồ; Kỹ thuật công trình xây dựng; Xây dựng dân dụng và công nghiệp; Kỹ thuật xây dựng; Xây dựng cầu đường; Công nghệ kỹ thuật xây dựng; Xây dựng cấp thoát nước; Quản lý xây dựng; Quản lý đô thị; Quy hoạch vùng và đô thị; Công nghệ kỹ thuật môi trường; Quản lý Tài nguyên môi trường;

Địa chính - nông nghiệp - xây dựng và môi trường (đối với xã): có ngành đào tạo quy định ở chức danh công chức Địa chính - xây dựng - đô thị và môi trường quy định tại khoản này và ngành: Nông học; Khuyến nông - khuyến lâm; Nông nghiệp và phát triển nông thôn; Quản lý kinh tế nông nghiệp; Kinh tế nông nghiệp; Kinh tế hạ tầng và phát triển nông thôn;

d) Tài chính - kế toán: Tài chính; Kế toán; Tài chính- ngân hàng; Tài chính công; Kế toán- kiểm toán;

đ) Tư pháp - hộ tịch: Luật;

e) Văn hóa - xã hội: Văn hóa; Văn hóa- thông tin; Quản lý văn hóa; Văn hóa quần chúng; Quản lý thể dục, thể thao; Việt Nam học; Văn hóa du lịch; Công tác xã hội; Quản lý lao động tiền lương và bảo trợ xã hội; Bảo hiểm; Quản lý xã hội; Xã hội học; Quản trị nhân lực; Luật và các ngành quy định tại điểm d khoản này.

2. Công chức cấp xã do sắp xếp đơn vị hành chính, để giải quyết cán bộ, công chức dôi dư phải bố trí sang chức danh khác và cán bộ Khuyến nông, Thú y cơ sở có đủ điều kiện, tiêu chuẩn quy định tại Điều 3 Quyết định này nhưng chưa đảm bảo tiêu chuẩn ngành quy định tại Điều 4 Quyết định này được Chủ tịch UBND cấp huyện bố trí, sắp xếp sang công chức cấp xã theo quy định. Sau 36 tháng bố trí, sắp xếp, công chức phải đảm bảo trình độ chuyên môn có ngành đào tạo theo chức danh quy định tại khoản 1 Điều này.

3. Tiêu chuẩn cán bộ, công chức cấp xã là căn cứ để thực hiện công tác quy hoạch, bầu cử, bổ nhiệm, tuyển dụng, sử dụng, đào tạo, bồi dưỡng, đánh giá, xếp lương, chuyển đổi vị trí công tác, tinh giản biên chế và thực hiện các chế độ, chính sách khác.

**Chương III**

**QUY CHẾ TỔ CHỨC TUYỂN DỤNG CÔNG CHỨC CẤP XÃ**

**Mục 1**

**CĂN CỨ, ĐIỀU KIỆN, THẨM QUYỀN, PHƯƠNG THỨC**

**TUYỂN DỤNG CÔNG CHỨC CẤP XÃ**

**Điều 5. Căn cứ, nguyên tắc tuyển dụng**

1. Tuyển dụng công chức cấp xã phải căn cứ vào yêu cầu nhiệm vụ, vị trí việc làm, tiêu chuẩn chức danh và số lượng cán bộ, công chức cấp xã đối với từng đơn vị hành chính cấp huyện được UBND tỉnh giao.

2. Tổ chức tuyển dụng do Hội đồng tuyển dụng cấp huyện thực hiện, đảm bảo nguyên tắc công khai, minh bạch, khách quan, công bằng, cạnh tranh và đúng quy định của pháp luật.

3. UBND cấp huyện ban hành Kế hoạch tuyển dụng công chức cấp xã để làm căn cứ tuyển dụng trước mỗi kỳ tuyển dụng. Nội dung kế hoạch tuyển dụng bao gồm:

a) Số lượng biên chế cán bộ, công chức cấp xã được UBND cấp huyện giao và số lượng biên chế UBND cấp xã chưa sử dụng;

b) Số lượng công chức cấp xã cần tuyển ở từng vị trí chức danh;

c) Số lượng vị trí chức danh cần tuyển đối với người dân tộc thiểu số (nếu có), trong đó xác định rõ chỉ tiêu, cơ cấu dân tộc cần tuyển;

d) Số lượng vị trí chức danh thực hiện xét tuyển (nếu có) đối với từng nhóm đối tượng quy định tại khoản 1 Điều 11 Quyết định này;

đ) Tiêu chuẩn, điều kiện đăng ký dự tuyển ở từng vị trí chức danh;

e) Hình thức và nội dung thi tuyển hoặc xét tuyển;

g) Các nội dung khác (nếu có);

h) Kế hoạch tuyển dụng khi xét tuyển đối với nhóm đối tượng là sinh viên tốt nghiệp xuất sắc, nhà khoa học trẻ tài năng thực hiện theo quy định của Chính phủ về chính sách thu hút, tạo nguồn cán bộ từ sinh viên tốt nghiệp xuất sắc, cán bộ khoa học trẻ.

**Điều 6. Điều kiện đăng ký dự tuyển và** **ưu tiên trong tuyển dụng**

1. Điều kiện đăng ký dự tuyển công chức cấp xã thực hiện theo quy định tại Điều 36 Luật Cán bộ, công chức và đáp ứng đầy đủ các tiêu chuẩn quy định tại điểm b khoản 1, 2, 3, 4 Điều 3 và Điều 4 Quyết định này:

a) UBND cấp xã xác định các điều kiện khác theo yêu cầu của vị trí dự tuyển quy định tại điểm g khoản 1 Điều 36 Luật Cán bộ, công chức phù hợp với chức từng vị trí chức danh công chức cấp xã nhưng không thấp hơn tiêu chuẩn chung, không được trái với quy định của pháp luật, không được phân biệt loại hình đào tạo và báo cáo bằng văn bản để UBND cấp huyện xem xét, quyết định;

b) Ngoài các điều kiện đăng ký dự tuyển quy định tại khoản 1 Điều này, chức danh Chỉ huy trưởng BCHQS cấp xã phải trong diện quy hoạch chức danh Chỉ huy trưởng BCHQS cấp xã và đáp ứng đủ các tiêu chuẩn quy định tại khoản 2 Điều 13 Nghị định số 33/2023/NĐ-CP.

2. Ưu tiên trong tuyển dụng

Đối tượng, điểm ưu tiên trong thi tuyển và xét tuyển công chức cấp xã thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 13 Nghị định số 33/2023/NĐ-CP.

**Điều 7. Phương thức, thẩm quyền tuyển dụng**

1. Phương thức tuyển dụng

a) Thi tuyển đối với chức danh công chức: Văn phòng - thống kê; Địa chính - xây dựng - đô thị và môi trường hoặc Địa chính - nông nghiệp - xây dựng và môi trường; Tài chính - kế toán; Tư pháp - hộ tịch; Văn hóa - xã hội;

b) Xét tuyển đối với chức danh Chỉ huy trưởng BCHQS cấp xã vànhóm đối tượng quy định tại điểm a, b, c khoản 1 Điều 11 Quyết định này;

c) Tiếp nhận vào làm công chức cấp xã với các đối tượng quy định tại khoản 1 Điều 20 Quyết định này .

2. Thẩm quyền tuyển dụng và tiếp nhận vào làm công chức cấp xã

Chủ tịch UBND cấp huyện quyết định:

a) Tuyển dụng công chức cấp xã đối với người trúng tuyển quy định tại điểm a, khoản 1 Điều này;

b) Tuyển dụng, bổ nhiệm chức danh Chỉ huy trưởng Quân sự cấp xã và quyết định tuyển dụng công chức cấp xã đối với nhóm đối tượng quy định tại điểm b khoản 1 Điều này;

c) Tiếp nhận vào làm công chức cấp xã đối với các đối tượng quy định tại điểm c khoản 1 Điều này.

**Điều 8. Hội đồng tuyển dụng**

1. Chủ tịch UBND cấp huyện quyết định thành lập Hội đồng tuyển dụng (HĐTD) để tổ chức việc tuyển dụng. HĐTD có 05 hoặc 07 thành viên bao gồm:

a) Chủ tịch Hội đồng là Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch UBND cấp huyện;

b) Phó Chủ tịch Hội đồng là 01 lãnh đạo Phòng Nội vụ;

c) Ủy viên kiêm Thư ký Hội đồng là công chức thuộc Phòng Nội vụ;

d) Các ủy viên khác là lãnh đạo một số cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp huyện có liên quan đến việc tổ chức tuyển dụng do Chủ tịch UBND cấp huyện quyết định.

2. Nguyên tắc làm việc, nhiệm vụ, quyền hạn của HĐTD thực hiện theo quy định tại khoản 4 Điều 13 Nghị định số 33/2023/NĐ-CP (trừ nhiệm vụ thành lập Ban đề thi). Nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm của thành viên tham gia HĐTD và các bộ phận giúp việc của HĐTD, nội quy, quy chế kỳ thi tuyển hoặc xét tuyển công chức cấp xã (HĐTD ban hành) thực hiện theo quy định hiện hành của Bộ Nội vụ về Quy chế tổ chức thi tuyển, xét tuyển công chức.

3. HĐTD được sử dụng con dấu, tài khoản của UBND cấp huyện trong các hoạt động của HĐTD. Không bố trí những người có quan hệ là cha, mẹ, anh, chị, em ruột của người dự tuyển hoặc của bên vợ (chồng) của người dự tuyển; vợ hoặc chồng, con đẻ hoặc con nuôi của người dự tuyển hoặc những người đang trong thời hạn xử lý kỷ luật hoặc đang thi hành quyết định kỷ luật làm thành viên HĐTD, thành viên các bộ phận giúp việc của HĐTD.

**Mục 2**

**THI TUYỂN CÔNG CHỨC CẤP XÃ**

**Điều 9. Hình thức, nội dung và thời gian thi tuyển**

Hình thức, nội dung và thời gian thi tuyển công chức cấp xã thực hiện theo quy định tại khoản 5 Điều 13 Nghị định số 33/2023/NĐ-CP.

**Điều 10. Xác định người trúng tuyển trong kỳ thi tuyển**

Thực hiện theo quy định tại khoản 6 Điều 13 Nghị định số 33/2023/NĐ-CP.

**Mục 3**

**XÉT TUYỂN CÔNG CHỨC CẤP XÃ**

**Điều 11. Đối tượng xét tuyển**

1. Đối tượng xét tuyển công chức cấp xã thực hiện hiện theo quy định tại khoản 7 Điều 13 Nghị định số 33/2023/NĐ-CP bao gồm:

a) Người cam kết tình nguyện làm việc từ 05 năm trở lên ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn;

b) Người học theo chế độ cử tuyển theo quy định của [Luật Giáo dục](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Giao-duc/Luat-giao-duc-2019-367665.aspx), sau khi tốt nghiệp về công tác tại địa phương nơi cử đi học;

c) Sinh viên tốt nghiệp xuất sắc, nhà khoa học trẻ tài năng;

d) Chỉ huy trưởng BCHQS cấp xã.

2. Việc tuyển dụng đối với nhóm đối tượng quy định tại điểm c khoản 1 Điều này được thực hiện theo quy định của Chính phủ về chính sách thu hút, tạo nguồn cán bộ từ sinh viên xuất sắc, cán bộ khoa học trẻ.

**Điều 12. Hội đồng xét tuyển**

1. Trường hợp Chủ tịch UBND cấp huyện quyết định tổ chức kỳ thi bao gồm cả xét tuyển và thi tuyển thì thành lập một Hội đồng tuyển dụng công chức cấp xã. HĐTD có nhiệm vụ xét tuyển công chức cấp xã.

2. Chủ tịch UBND cấp huyện quyết định thành lập Hội đồng xét tuyển (Hội đồng Kiểm tra, sát hạch) nếu kỳ xét tuyển công chức cấp xã cùng đợt với kiểm tra, sát hạch các đối tượng tiếp nhận vào làm công chức cấp xã. Hội đồng xét tuyển (Hội đồng Kiểm tra, sát hạch) có nhiệm vụ xét tuyển và kiểm tra, sát hạch.

3. Trường hợp xét tuyển không cùng đợt với thi tuyển hoặc kiểm tra, sát hạch các đối tượng tiếp nhận vào làm công chức cấp xã thì Chủ tịch UBND cấp huyện quyết định thành lập Hội đồng xét tuyển. Hội đồng xét tuyển hoạt động theo từng kỳ xét tuyển và tự giải thể sau khi hoàn thành nhiệm vụ.

**Điều 13. Nội dung, hình thức xét tuyển**

1. Nội dung, hình thức xét tuyển công chức cấp xã thực hiện theo quy định tại khoản 8 Điều 13 Nghị định số 33/2023/NĐ-CP. Trường hợp kỳ xét tuyển công chức cấp xã cùng tổ chức với đợt kiểm tra, sát hạch các đối tượng tiếp nhận vào làm công chức cấp xã hoặc số lượng người đăng ký dự xét tuyển có dưới 10 người trong phạm vi quản lý cấp huyện thì nội dung, hình thức xét tuyển công chức cấp xã thực hiện theo quy định tại Điều 23 Quyết định này.

2. Trường hợp đặc biệt, do yêu cầu của công tác cán bộ, Chủ tịch UBND cấp huyện có thể lựa chọn nội dung, hình thức xét tuyển công chức cấp xã quy định tại khoản 1 Điều này sau khi có ý kiến bằng văn bản của Sở Nội vụ.

**Điều 14. Xác định người trúng tuyển trong kỳ xét tuyển**

Thực hiện theo quy định tại khoản 9 Điều 13 Nghị định số 33/2023/NĐ-CP.

**Mục 4**

**TRÌNH TỰ, THỦ TỤC TUYỂN DỤNG CÔNG CHỨC CẤP XÃ**

**Điều 15. Xây dựng và phê duyệt kế hoạch tuyển dụng**

1. Căn cứ số lượng cán bộ, công chức cấp xã, yêu cầu nhiệm vụ, tiêu chuẩn chức danh và số lượng công chức cấp xã theo từng chức danh được UBND cấp huyện giao, UBND cấp xã báo cáo UBND cấp huyện nhu cầu và vị trí tuyển dụng công chức cấp xã.

2. UBND cấp huyện xây dựng Kế hoạch tuyển dụng công chức cấp xã, báo cáo Sở Nội vụ phê duyệt. UBND cấp huyện sửa đổi, bổ sung Kế hoạch tuyển dụng sau khi có ý kiến của Sở Nội vụ (nếu có) và ban hành Kế hoạch tuyển dụng công chức cấp xã.

**Điều 16. Thông báo tuyển dụng và tiếp nhận Phiếu đăng ký dự tuyển**

Thông báo tuyển dụng và tiếp nhận Phiếu đăng ký dự tuyển thực hiện theo quy định tại khoản 10 Điều 13 Nghị định số 33/2023/NĐ-CP:

1. UBND cấp huyện phải đăng thông báo tuyển dụng công khai ít nhất 01 lần trên phương tiện thông tin đại chúng, đăng tải trên Cổng thông tin điện tử và niêm yết công khai tại trụ sở làm việc của UBND cấp huyện về tiêu chuẩn, điều kiện, số lượng, chức danh công chức cần tuyển, hình thức, nội dung thi tuyển, xét tuyển, thời hạn và địa điểm tiếp nhận Phiếu đăng ký dự tuyển.

2. Người đăng ký dự tuyển nộp Phiếu đăng ký dự tuyển (theo Mẫu số 01 ban hành kèm theo Quyết định này) tại địa điểm tiếp nhận Phiếu đăng ký dự tuyển hoặc gửi theo đường bưu chính hoặc Cổng thông tin điện tử của UBND cấp huyện.

3. Thời hạn nhận Phiếu đăng ký dự tuyển là 30 ngày kể từ ngày thông báo tuyển dụng công khai quy định tại khoản 1 Điều này.

**Điều 17. Trình tự tổ chức và giám sát kỳ tuyển dụng**

1. Trình tự tổ chức tuyển dụng công chức cấp xã thực hiện theo quy định tại khoản 11 Điều 13 Nghị định số 33/2023/NĐ-CP.

a) Chậm nhất 05 ngày trước khi tổ chức thi tuyển hoặc xét tuyển, Chủ tịch UBND cấp huyện quyết định thành lập HĐTD. Chậm nhất 05 ngày làm việc kể từ ngày thành lập HĐTD, Chủ tịch HĐTD quyết định thành lập Ban kiểm tra Phiếu đăng ký dự tuyển để thực hiện kiểm tra, điều kiện, tiêu chuẩn của người dự tuyển đã đăng ký tại Phiếu đăng ký dự tuyển;

Chậm nhất là 05 ngày làm việc trước ngày tổ chức thi tuyển hoặc xét tuyển, HĐTD cấp huyện phải lập danh sách thí sinh đủ điều kiện và không đủ điều kiện dự thi đăng tải tại Cổng thông tin điện tử và niêm yết công khai tại trụ sở làm việc của UBND cấp huyện;

b) HĐTD tổ chức kỳ thi tuyển, xét tuyển công chức cấp xã và báo cáo Chủ tịch UBND cấp huyện kết quả thi tuyển, xét tuyển;

Việc tổ chức thi tuyển, xét tuyển, giải quyết khiếu nại, tố cáo và lưu trữ tài liệu thực hiện theo quy định của Bộ Nội vụ về Quy chế tổ chức thi tuyển, xét tuyển công chức và Nội quy thi tuyển, xét tuyển công chức.

2. Giám sát kỳ tuyển dụng: Chủ tịch UBND cấp huyện quyết định thành lập Ban Giám sát kỳ tuyển dụng. Số lượng, cơ cấu thành phần, nhiệm vụ, quyền hạn, tiêu chuẩn của Ban Giám sát và nội dung giám sát thực hiện theo quy định của Bộ Nội vụ về Quy chế tổ chức thi tuyển, xét tuyển công chức. Sở Nội vụ giám sát độc lập các kì thi tuyển, xét tuyển công chức cấp xã.

**Điều 18. Thông báo kết quả và hoàn thiện hồ sơ tuyển dụng**

Thông báo kết quả tuyển dụng công chức cấp xã thực hiện theo quy định tại khoản 12 Điều 13 Nghị định số 33/2023/NĐ-CP và hoàn thiện hồ sơ tuyển dụng công chức cấp xã thực hiện theo quy định tại khoản 13 Điều 13 Nghị định số 33/2023/NĐ-CP.

1. Chậm nhất 05 ngày làm việc, sau khi hoàn thành việc chấm thi vòng 2 theo quy định, HĐTD phải báo cáo Chủ tịch UBND cấp huyện xem xét, phê duyệt kết quả tuyển dụng. Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày có quyết định phê duyệt kết quả tuyển dụng. HĐTD phải thông báo công khai trên Cổng thông tin điện tử của UBND cấp huyện. Nội dung thông báo phải ghi rõ thời hạn người trúng tuyển phải đến UBND cấp huyện để hoàn thiện hồ sơ tuyển dụng.

2. Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được thông báo kết quả trúng tuyển, người trúng tuyển phải đến UBND cấp huyện nơi đăng ký dự tuyển để hoàn thiện hồ sơ tuyển dụng, bao gồm:

a) Bản sao văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của vị trí chức danh dự tuyển, chứng nhận đối tượng ưu tiên (nếu có);

Trường hợp người trúng tuyển được miễn phần thi ngoại ngữ hoặc tin học theo quy định thì không phải nộp chứng chỉ ngoại ngữ, tin học.

b) Phiếu lý lịch tư pháp do cơ quan có thẩm quyền cấp.

3. Trường hợp người trúng tuyển không hoàn thiện đủ hồ sơ tuyển dụng theo quy định hoặc có hành vi gian lận trong việc kê khai Phiếu đăng ký dự tuyển hoặc bị phát hiện sử dụng văn bằng, chứng chỉ, chứng nhận không đúng quy định để tham gia dự tuyển thì Chủ tịch UBND cấp huyện ra quyết định hủy bỏ kết quả trúng tuyển.

Trường hợp người đăng ký dự tuyển có hành vi gian lận trong việc kê khai Phiếu đăng ký dự tuyển hoặc sử dụng văn bằng, chứng chỉ, chứng nhận không đúng quy định để tham gia dự tuyển thì Chủ tịch UBND cấp huyện thông báo công khai trên Cổng thông tin điện tử của UBND cấp huyện và không tiếp nhận Phiếu đăng ký dự tuyển trong một kỳ tuyển dụng tiếp theo.

4. Sau khi người trúng tuyển hoàn thiện đủ hồ sơ quy định tại khoản 2 Điều này, trong thời hạn 05 ngày, Chủ tịch UBND cấp huyện có văn bản gửi Sở Nội vụ công nhận kết quả tuyển dụng và phê duyệt danh sách xếp lương những người trúng tuyển (đối với xét tuyển Chỉ huy trưởng BCHQS cấp xã phải có văn bản UBND cấp xã nơi chỉ tiêu tuyển dụng thống nhất với Chỉ huy trưởng BCHQS cấp huyện).

**Điều 19. Quyết định tuyển dụng và nhận việc**

Quyết định tuyển dụng và nhận việc đối với công chức cấp xã thực hiện theo quy định tại khoản 14 Điều 13 Nghị định số 33/2023/NĐ-CP.

1. Chậm nhất 05 ngày kể từ ngày có ý kiến của Sở Nội vụ, Chủ tịch UBND cấp huyện ra quyết định tuyển dụng công chức cấp xã theo quy định tại điểm a, b khoản 2 Điều 7 Quyết định này.

2. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được quyết định tuyển dụng, người được tuyển dụng vào công chức cấp xã phải đến UBND cấp xã nơi đăng ký tuyển dụng nhận việc, trừ trường hợp quyết định tuyển dụng quy định thời hạn khác hoặc được Chủ tịch UBND cấp huyện đồng ý gia hạn.

3. Trường hợp người được tuyển dụng vào công chức cấp xã không đến nhận việc trong thời hạn quy định tại khoản 2 Điều này thì Chủ tịch UBND cấp huyện hủy bỏ quyết định tuyển dụng.

4. Chủ tịch UBND cấp huyện xem xét quyết định việc trúng tuyển đối với người dự tuyển có kết quả tuyển dụng thấp hơn liền kề so với kết quả tuyển dụng của người trúng tuyển đã bị hủy bỏ kết quả trúng tuyển theo quy định tại khoản 3 Điều 18 Quyết định này hoặc trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này.

Trường hợp có từ 02 người trở lên có kết quả tuyển dụng thấp hơn liền kề mà bằng nhau thì Chủ tịch UBND cấp huyện quyết định người trúng tuyển theo quy định tại Điều 10 (trong trường hợp tổ chức thi tuyển), Điều 14 (trong trường hợp tổ chức xét tuyển) Quyết định này.

**Mục 5**

**TIẾP NHẬN VÀO LÀM CÔNG CHỨC CẤP XÃ**

**Điều 20. Đối tượng, tiêu chuẩn, điều kiện tiếp nhận**

1. Đối tượng tiếp nhận

a) Viên chức công tác tại đơn vị sự nghiệp công lập;

b) Người hưởng lương trong lực lượng vũ trang nhân dân, người làm việc trong tổ chức cơ yếu nhưng không phải là công chức;

c) Người thôi giữ chức vụ cán bộ ở cấp xã (trừ hình thức kỷ luật bãi nhiệm);

d) Người đã từng là cán bộ, công chức (bao gồm cả cán bộ, công chức cấp xã) sau đó được cấp có thẩm quyền điều động, luân chuyển giữ các vị trí công tác không phải là cán bộ, công chức tại các cơ quan, tổ chức khác.

2. Tiêu chuẩn, điều kiện tiếp nhận

Căn cứ yêu cầu công việc và vị trí chức danh cần tuyển, Chủ tịch UBND cấp huyện được quyền tiếp nhận vào làm công chức cấp xã đối với đối tượng quy định tại khoản 1 Điều này nếu người được đề nghị tiếp nhận vào công chức cấp xã (người được đề nghị tiếp nhận) đáp ứng đủ các tiêu chuẩn, điều kiện sau:

a) Có đủ điều kiện đăng ký dự tuyển công chức cấp xã quy định tại khoản 1 Điều 6 Quyết định này;

b) Còn số lượng, vị trí chức danh công chức cấp xã cần tuyển dụng và đáp ứng được ngay yêu cầu nhiệm vụ của chức danh công chức cấp xã cần tuyển dụng;

c) Có đủ 05 năm công tác trở lên (không kể thời gian tập sự, thử việc, nếu có thời gian công tác không liên tục thì được cộng dồn, kể cả thời gian công tác nếu có trước đó ở vị trí công việc thuộc các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này) làm công việc có yêu cầu trình độ đào tạo chuyên môn phù hợp với vị trí việc làm cần tuyển;

Thời gian 05 năm (đủ 60 tháng) đối với viên chức công tác tại đơn vị sự nghiệp công lập tính từ thời điểm được tuyển dụng viên chức, đối với người hưởng lương trong lực lượng vũ trang nhân dân, người làm việc trong tổ chức cơ yếu nhưng không phải là công chức tính từ thời điểm có quyết định tuyển dụng chính thức vào quân đội, công an hoặc tại tổ chức của lực lượng cơ yếu;

d) Tại thời điểm tiếp nhận không trong thời hạn xử lý kỷ luật, đang bị điều tra, truy tố, xét xử trừ trường hợp đối tượng là người thôi giữ chức vụ cán bộ ở cấp xã quy định tại điểm c khoản 1 Điều này là bị áp dụng hình thức kỷ luật không phải là bãi nhiệm;

đ) Có điểm sát hạch đạt từ 50 điểm trở lên.

**Điều 21. Hồ sơ của người được đề nghị tiếp nhận vào làm công chức**

Hồ sơ của người được đề nghị tiếp nhận thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 14 Nghị định số 33/2023/NĐ-CP:

1. Sơ yếu lý lịch theo mẫu quy định có xác nhận của cơ quan, tổ chức, đơn vị nơi công tác (chậm nhất là 30 ngày trước ngày nộp hồ sơ tiếp nhận).

2. Bản sao văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của vị trí chức danh công chức cấp xã dự tuyển. Trường hợp người được đề nghị tiếp nhận đáp ứng yêu cầu miễn phần thi ngoại ngữ hoặc tin học quy định tại Điều 9 Quyết định này thì không phải nộp chứng chỉ ngoại ngữ, tin học.

3. Giấy chứng nhận sức khỏe do cơ quan y tế có thẩm quyền cấp (chậm nhất là 30 ngày trước ngày nộp hồ sơ tiếp nhận).

4. Bản tự nhận xét, đánh giá của người được đề nghị tiếp nhận về phẩm chất chính trị, đạo đức lối sống, trình độ và năng lực chuyên môn, nghiệp vụ, quá trình công tác có nhận xét và xác nhận của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị nơi công tác.

**Điều 22. Hội đồng kiểm tra, sát hạch và giám sát kiểm tra, sát hạch**

1. Chủ tịch UBND cấp huyện quyết định thành lập Hội đồng kiểm tra, sát hạch công chức cấp xã (HĐKTSH). Thành phần và nguyên tắc làm việc HĐKTSH thực hiện theo quy định tại khoản 1, 2 Điều 8 Quyết định này.

2. HĐKTSH thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn quy định tại khoản 2 Điều 8 Quyết định này và có nhiệm vụ, quyền hạn:

a) Kiểm tra về tiêu chuẩn, điều kiện, văn bằng, chứng chỉ, chứng nhận của người được đề nghị tiếp nhận theo yêu cầu, tiêu chuẩn của vị trí chức danh cần tuyển quy định tại điểm b khoản 1, 2, 3, 4 Điều 3 và Điều 4 Quyết định này;

b) Tổ chức sát hạch về trình độ hiểu biết chung và năng lực chuyên môn của người được đề nghị tiếp nhận;

c) Báo cáo Chủ tịch UBND cấp huyện về kết quả kiểm tra, sát hạch.

3. Người thôi giữ chức vụ cán bộ ở cấp xã quy định tại điểm c khoản 1 Điều 20 Quyết định này và người đã từng là cán bộ, công chức cấp xã quy định tại điểm d khoản 1 Điều 20 Quyết định này (trước khi được bầu giữ cán bộ cấp xã đã là công chức cấp xã) khi tếp nhận vào làm công chức cấp xã không phải thành lập HĐKTSH và không phải có đủ 05 năm công tác trở lên theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 20 Quyết định này.

Căn cứ văn bản đề nghị tiếp nhận vào làm công chức cấp xã của Chủ tịch UBND cấp xã nơi có nhu cầu tiếp nhận, Chủ tịch UBND cấp huyện kiểm tra hồ sơ, điều kiện, tiêu chuẩn quy định tại khoản 2 Điều 20 Quyết định này và ra quyết định tiếp nhận sau khi có ý kiến thống nhất bằng văn bản của Sở Nội vụ.

4. Giám sát kiểm tra, sát hạch thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 17 Quyết định này. Sở Nội vụ giám sát độc lập các đợt kiểm tra, sát hạch khi tiếp nhận vào làm công chức cấp xã.

**Điều 23. Nội dung, hình thức kiểm tra, sát hạch**

1. Nội dung sát hạch phải căn cứ vào nhiệm vụ, tiêu chuẩn chuyên môn và yêu cầu của vị trí chức danh cần tuyển để xây dựng. Trong cùng một đợt kiểm tra, sát hạch, nếu có các vị trí chức danh yêu cầu chuyên môn, nghiệp vụ khác nhau thì phải tổ chức xây dựng các đề môn kiểm tra, sát hạch nghiệp vụ, chuyên ngành khác nhau tương ứng với yêu cầu vị trí chức danh cần tuyển.

2. Hình thức sát hạch là viết trả lời 100 câu hỏi trắc nghiệm trên giấy, thời gian trả lời 120 phút, tính theo thang điểm 100 với mỗi câu hỏi là 01 điểm. Cơ cấu câu hỏi sát hạch: 30 câu hỏi về kiến thức chung (hệ thống chính trị, Luật Cán bộ, công chức, tiêu chuẩn ngạch công chức) và 70 điểm câu hỏi vể chuyên môn, nghiệp vụ (liên quan đến vị trí chức danh cần tuyển dụng).

3. Trường hợp đặc biệt, do yêu cầu của công tác cán bộ, Chủ tịch UBND huyện có thể lựa chọn hình thức phỏng vấn khi thực hiện kiểm tra, sát hạch, sau khi có ý kiến bằng văn bản của Sở Nội vụ. Nội dung, hình thức phỏng vấn thực hiện theo khoản 1 Điều 13 Quyết định này.

**Điều 24. Quy trình tiếp nhận vào làm công chức cấp xã**

1. Trường hợp đợt kiểm tra, sát hạch không cùng kỳ xét tuyển công chức cấp xã:

a) UBND cấp huyện xây dựng Kế hoạch tiếp nhận vào làm công chức cấp xã không qua tuyển dụng, gửi Sở Nội vụ phê duyệt trước khi ban hành;

b) UBND cấp huyện quyết định thành lập HĐKTSH. HĐKTSH có nhiệm vụ kiểm tra điều kiện, tiêu chuẩn quy định tại khoản 2 Điều 20 Quyết định này và tổ chức sát hạch theo bộ câu hỏi do Sở Nội vụ xây dựng với nội dung, hình thức kiểm tra, sát hạch quy định tại Điều 23 Quyết định này. HĐKTSH tổ chức chấm điểm, báo cáo Chủ tịch UBND cấp huyện về kết quả kiểm tra, sát hạch;

c) Chủ tịch UBND cấp huyện ban hành Quyết định tiếp nhận vào làm công chức cấp xã.

2. Trường hợp đợt kiểm tra, sát hạch cùng kỳ xét tuyển công chức cấp xã:

a) Trình tự xây dựng, phê duyệt kế hoạch, thông báo, tiếp nhận hồ sơ và tổ chức kiểm tra, sát hạch thực hiện theo quy định tại Điều 15, Điều 16, Điều 17 Quyết định này;

b) UBND cấp huyện quyết định thành lập Hội đồng xét tuyển (HĐKTSH). Hội đồng xét tuyển (HĐKTSH) có nhiệm vụ kiểm tra, sát hạch quy định tại điểm b, khoản 1 Điều này và tổ chức chấm điểm, báo cáo Chủ tịch UBND cấp huyện về kết quả kiểm tra, sát hạch;

c) Chủ tịch UBND cấp huyện ban hành Quyết định tiếp nhận vào làm công chức cấp xã.

**Chương IV**

**QUẢN LÝ CÁN BỘ, CÔNG CHỨC CẤP XÃ**

**Điều 25. Trách nhiệm, quyền hạn của Sở Nội vụ**

1. Trình UBND tỉnh, trình Hội đồng nhân dân tỉnh:

a) Quyết định số lượng cán bộ, công chức cấp xã và số lượng người HĐKCT ở cấp xã đối với từng đơn vị hành chính cấp huyện;

b) Quy định chức danh người HĐKCT ở cấp xã, việc kiêm nhiệm chức danh người HĐKCT ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố và người HĐKCT ở thôn, tổ dân phố kiêm nhiệm người trực tiếp tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố; mức phụ cấp của từng chức danh người HĐKCT ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố; mức khoán kinh phí hoạt động của tổ chức chính trị - xã hội ở cấp xã; mức hỗ trợ hàng tháng đối với người trực tiếp tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố và mức phụ cấp kiêm nhiệm người trực tiếp tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố.

2. Trình UBND tỉnh:

a) Ban hành quy định về phân cấp quản lý đối với cán bộ, công chức cấp xã và Quy chế tuyển dụng công chức cấp xã;

b) Quy định tiêu chuẩn cụ thể của từng chức vụ cán bộ cấp xã, từng chức danh công chức cấp xã, ngành đào tạo theo yêu cầu nhiệm vụ của từng chức danh công chức cấp xã và quy định cụ thể việc quản lý, sử dụng đối với từng chức danh người HĐKCT ở cấp xã;

c) Chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra, thanh tra, giám sát việc thực hiện các nội dung quản lý cán bộ, công chức cấp xã theo quy định và việc tuyển dụng, lập kế hoạch, quy hoạch xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức cấp xã;

d) Chỉ đạo việc giải quyết khiếu nại, tố cáo và xây dựng kế hoạch, chương trình, tài liệu đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức cấp xã hàng năm;

3. Tổng hợp thống kê, báo cáo số lượng, chất lượng cán bộ, công chức cấp xã trên địa bàn tỉnh.

4. Hướng dẫn việc kiêm nhiệm các chức danh bảo đảm các lĩnh vực công tác ở địa phương đều có cán bộ, công chức đảm nhiệm; bố trí, hướng dẫn, kiểm tra việc sử dụng nguồn kinh phí để thực hiện chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức cấp xã, người HĐKCT ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố và người trực tiếp tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố theo quy định và hướng dẫn việc lập, quản lý hồ sơ cán bộ, công chức cấp xã.

5. Hướng dẫn, kiểm tra UBND cấp huyện thực hiện quy chế tổ chức tuyển dụng; phê duyệt Kế hoạch tuyển dụng và tiếp nhận vào làm công chức cấp xã; Hướng dẫn việc đánh giá, xếp loại, chất lượng cán bộ, công chức hàng năm và việc tuyển dụng, kỷ luật, xếp lương cán bộ, công chức cấp xã.

6. Kiểm tra, thanh tra việc tổ chức thực hiện chế độ chính sách đối với cán bộ, công chức cấp xã.

**Điều 26. Trách nhiệm, quyền hạn của UBND, Chủ tịch UBND, Phòng Nội vụ cấp huyện**

1. UBND cấp huyện

a) Quyết định số lượng cụ thể cán bộ, công chức cấp xã, người HĐKCT cấp xã và bố trí số lượng công chức của từng chức danh công chức cấp xã, số lượng người HĐKCT ở cấp xã ở từng đơn vị hành chính cấp xã xong trước 31/1 hàng năm, gửi Quyết định báo cáo Sở Nội vụ;

Quyết định này chỉ thực hiện một năm một lần, làm căn cứ để thực hiện công tác quy hoạch, bầu cử, bổ nhiệm, tuyển dụng (thi tuyển, xét tuyển, tiếp nhận vào làm công chức cấp xã), sử dụng, đào tạo, bồi dưỡng, đánh giá, xếp lương, chuyển đổi vị trí công tác, tinh giản biên chế và thực hiện các chế độ, chính sách khác;

b) Quy định nhiệm vụ cụ thể của từng chức vụ cán bộ cấp xã và từng chức danh công chức cấp xã theo quy định tại Điều 9 và Điều 11 Nghị định số 33/2023/NĐ-CP và quy định cụ thể nhiệm vụ của từng chức danh người HĐKCT ở cấp xã cho phù hợp với yêu cầu của từng cấp xã;

c) Tổ chức tuyển dụng công chức cấp xã và kiểm tra, sát hạch khi tiếp nhận vào làm công chức cấp xã theo Quy chế tuyển dụng công chức cấp xã quy định tại Chương III, Quyết định này.

2. Chủ tịch UBND cấp huyện

a) Lập kế hoạch, quy hoạch xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức cấp xã; tổ chức đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức cấp xã đạt chuẩn theo quy định tại Điều 3, Điều 4 Quyết định này;

b) Phê duyệt kết quả tuyển dụng; quyết định tuyển dụng; hủy bỏ quyết định tuyển dụng; quyết định tuyển dụng và bổ nhiệm Chỉ huy trưởng BCHQS cấp xã; quyết định tiếp nhận vào làm công chức cấp xã (đối với đối tượng tiếp nhận vào làm công chức cấp xã); quyết định công nhận thời gian tập sự và xếp lương đối với công chức cấp xã được tuyển dụng theo đề nghị của Chủ tịch UBND cấp xã;

c) Quyết định điều động công chức cấp xã từ xã, phường, thị trấn này chuyển sang làm việc ở xã, phường, thị trấn khác trong cùng một đơn vị hành chính cấp huyện. Riêng điều động, chuyển công tác, tiếp nhận công chức Chỉ huy trưởng BCHQS cấp xã phải có ý kiến của Chỉ huy trưởng Ban chỉ huy quân sự cấp huyện;

d) Quyết định việc chuyển công tác, tiếp nhận công chức cấp xã từ xã, phường, thị trấn của cấp huyện này sang làm việc ở xã, phường, thị trấn của cấp huyện khác sau khi có ý kiến thống nhất bằng văn bản của Giám đốc Sở Nội vụ;

đ) Quyết định việc chuyển công tác đối với công chức cấp xã ra ngoài tỉnh và tiếp nhận công chức cấp xã từ tỉnh khác sau khi có ý kiến thống nhất bằng văn bản của Giám đốc Sở Nội vụ nơi chuyển công tác và nơi tiếp nhận;

e) Thẩm định hồ sơ, quyết định xếp lương người được bầu lần đầu làm cán bộ cấp xã theo tiêu chuẩn quy định tại Điều 3 Quyết định này và quyết định xếp lương cán bộ, công chức cấp xã khi có thay đổi về trình độ đào tạo theo tiêu chuẩn quy định tại Điều 3, Điều 4 Quyết định này sau khi có ý kiến thống nhất bằng văn bản của Sở Nội vụ. Quyết định nâng bậc lương, phụ cấp thâm niên, phụ cấp chức vụ, thôi việc, nghỉ hưu, chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức cấp xã theo quy định;

g) Quyết định chức vụ, chức danh được hưởng phụ cấp kiêm nhiệm trong trường hợp số lượng chức danh bố trí kiêm nhiệm lớn hơn số lượng cán bộ, công chức cấp xã giảm được quy định tại khoản 1 Điều 20 Nghị định số 33/2023/NĐ-CP;

h) Quyết định chuyển đổi vị trí việc làm công chức cấp xã khi có đề nghị của UBND cấp xã; quyết định khen thưởng, kỷ luật, giải quyết khiếu nại, tố cáo cán bộ, công chức cấp xã theo quy định của pháp luật; quyết định phê chuẩn kết quả bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch, Phó Chủ tịch UBND cấp xã; quyết định điều động, cách chức Chủ tịch, phó Chủ tịch UBND cấp và giao quyền Chủ tịch UBND cấp xã.

i) Tổng hợp thống kê, báo cáo số lượng, chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức cấp xã trên địa bàn cấp huyện.

3. Phòng Nội vụ

a) Hướng dẫn, kiểm tra UBND cấp xã việc nhận xét, đánh giá, xếp loại chất lượng cán bộ, công chức cấp xã hàng năm; hướng dẫn, kiểm tra UBND cấp xã thực hiện chế độ chính sách đối với cán bộ, công chức cấp xã, người HĐKCT ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố, người trực tiếp tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố;

b) Hướng dẫn UBND cấp xã lập và quản lý hồ sơ cán bộ, công chức cấp xã;

c) Tham mưu giúp: UBND cấp huyện thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn quy định tại khoản 1 Điều 26 Quyết định này và Chủ tịch UBND cấp huyện thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn tại khoản 2 Điều 26 Quyết định này.

**Điều 27. Trách nhiệm, quyền hạn UBND cấp xã**

1. Xây dựng nhu cầu thi tuyển, xét tuyển công chức cấp xã, tiếp nhận vào làm công chức cấp xã của đơn vị mình, báo cáo UBND cấp huyện; phân công, bố trí số lượng công chức cấp xã ở từng chức danh theo quyết định của UBND cấp huyện và bố trí công việc người trúng tuyển theo đúng chức danh tuyển dụng.

2. Lập danh sách, hồ sơ cán bộ, công chức cấp xã có đủ tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại Điều 3, Điều 4 Quyết định này đề nghị Chủ tịch UBND cấp huyện thẩm định, xếp lương khi có thay đổi về trình độ đào tạo; lập hồ sơ người lần đầu được bầu làm cán bộ cấp xã đề nghị Chủ tịch UBND cấp huyện xếp lương theo quy định tại điểm e khoản 2 Điều 26 Quyết định này.

3. Trực tiếp quản lý, sử dụng, nhận xét, đánh giá, xếp loại chất lượng hàng năm đối với công chức cấp xã; thực hiện chế độ, chính sách, kế hoạch, đào tạo, bồi dưỡng; quy hoạch tạo nguồn đối với công chức cấp xã.

a) Đăng ký cơ quan có thẩm quyền cử cán bộ, công chức cấp xã đi đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, đáp ứng tiêu chuẩn theo quy định tại Điều 3, Điều 4 Quyết định này;

b) Tổ chức rà soát, bố trí nhân sự, đề nghị cơ quan có thẩm quyền cử người HĐKCT ở cấp xã tham gia các lớp đào tạo, bồi dưỡng để đạt chuẩn theo quy định tại khoản 1 Điều 36 Nghị định số 33/2023/NĐ-CP.

4. Trình Chủ tịch UBND huyện xem xét quyết định chức danh hưởng phụ cấp kiêm nhiệm theo quy định tại điểm g khoản 2 Điều 26 Quyết định này; đề nghị cơ quan, tổ chức có thẩm quyền cấp huyện khen thưởng, kỷ luật đối với cán bộ, công chức cấp xã.

5. Giải quyết khiếu nại, tố cáo đối với công chức cấp xã theo quy định; thống kê, báo cáo số lượng, chất lượng cán bộ, công chức cấp xã; lập và quản lý hồ sơ cán bộ, công chức cấp xã.

**Chương V**

**QUẢN LÝ, SỬ DỤNG NGƯỜI HOẠT ĐỘNG KHÔNG**

**CHUYÊN TRÁCH Ở CẤP XÃ**

**Điều 28. Quy trình tuyển chọn người HĐKCT ở cấp xã**

1. Tuyển chọn người HĐKCT ở cấp xã thông qua bầu cử

a) Tiêu chuẩn tuyển chọn người HĐKCT ở cấp xã thông qua bầu thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 36 Nghị định số 33/2023/NĐ-CP, ưu tiên người có trình độ cao hơn;

b) Quy trình, nhân sự, bầu cử thực hiện theo quy định của điều lệ tổ chức mà người HĐKCT ở cấp xã là thành viên, quy định của pháp luật có liên quan và quy định của cơ quan có thẩm quyền quản lý đối với từng chức danh.

2. Tuyển chọn người HĐKCT ở cấp xã thông qua hình thức xét tuyển

a) Thành lập Hội đồng tuyển chọn (HĐTC)

Chủ tịch UBND cấp xã quyết định thành lập HĐTC để tuyển chọn người HĐKCT ở cấp xã. HĐTC có 05 hoặc 07 thành viên, gồm: Chủ tịch HĐTC là Chủ tịch UBND cấp xã; Phó Bí thư Đảng uỷ; Chủ tịch HĐND hoặc Phó Chủ tịch HĐND; Phó Chủ tịch UBND, Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các thành viên khác do Chủ tịch HĐTC lựa chọn;

b) HĐTC làm việc theo nguyên tắc tập thể, quyết định theo đa số, trường hợp biểu quyết ngang nhau thì thực hiện theo ý kiến mà Chủ tịch HĐTC đã biểu quyết. Nhiệm vụ, quyền hạn của HĐTC:

Thông báo tiêu chuẩn, số lượng và công khai việc tuyển chọn trên các phương tiện thông tin của xã, phường, thị trấn; tiếp nhận hồ sơ của người dự tuyển trong vòng 15 ngày làm việc;

Tuyển chọn đối chiếu tiêu chuẩn quy định tại khoản 1 Điều 36 Nghị định số 33/2023/NĐ-CP để xét tuyển người có đủ điều kiện, tiêu chuẩn giữ các chức danh. Trường hợp người đủ điều kiện, tiêu chuẩn nhiều hơn số lượng cần tuyển thì HĐTC chọn người có trình độ cao hơn. Trường hợp trình độ ngang nhau thì HĐTC chọn người có tuổi đời trẻ hơn. HĐTC lập biên bản về kết quả họp HĐTC;

c) Chủ tịch UBND cấp xã căn cứ biên bản họp của HĐTC đề nghị Chủ tịch UBND cấp huyện thẩm định số lượng, tiêu chuẩn chức danh;

d) Căn cứ văn bản thẩm định của Chủ tịch UBND cấp huyện, Chủ tịch UBND cấp xã thực hiện ký hợp đồng đối với người HĐKCT ở cấp xã;

đ) Hồ sơ của người dự tuyển gồm: Đơn xin làm việc hoạt động không chuyên trách ở cấp xã; sơ yếu lý lịch có xác nhận của UBND cấp xã; bản sao giấy khai sinh, căn cước công dân có chứng thực; giấy khám sức khỏe của cơ sở y tế từ cấp huyện trở lên trong thời hạn 30 ngày tính đến ngày nộp hồ sơ; bản sao các văn bằng, chứng chỉ đáp ứng yêu cầu của từng chức danh;

e) Riêng đối với chức danh giúp việc cho Chỉ huy trưởng BCHQS cấp xã thực hiện theo quy định của pháp luật chuyên ngành về quân sự.

**Điều 2****9. Chế độ làm việc và những việc không được làm của người HĐKCT ở cấp xã**

1. Chế độ làm việc của người HĐKCT ở cấp xã

a) Tùy theo nhiệm vụ, công việc, thời gian làm việc do cấp ủy và Chủ tịch UBND cấp xã quyết định;

b) Thực hiện chế độ trực tại trụ sở UBND cấp xã trong các ngày lễ, tết và ngày nghỉ theo quy định của Nhà nước và các chế độ khác do cấp ủy và Chủ tịch UBND cấp xã phân công.

2. Những việc không được làm của người HĐKCT ở cấp xã

a) Trốn tránh trách nhiệm hoặc đùn đẩy, thoái thác nhiệm vụ được giao; gây bè phái, cục bộ, mất đoàn kết; tự ý bỏ việc hoặc tham gia đình công;

b) Cửa quyền, hách dịch, sách nhiễu, gây khó khăn, phiền hà đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân, công dân trong khi giải quyết công việc; lợi dụng, lạm dụng nhiệm vụ, quyền hạn; sử dụng thông tin liên quan đến công vụ để vụ lợi, trục lợi; tham ô, hối lộ, làm sai sự việc, gây hậu quả, làm ảnh hưởng đến cơ quan, tổ chức, đơn vị;

c) Những việc khác không được làm theo quy định của pháp luật và theo quy định của điều lệ, tổ chức mà người HĐKCT ở cấp xã là thành viên.

**Điều 30. Quyền và nghĩa vụ của người HĐKCT ở cấp xã**

1. Quyền của người HĐKCT ở cấp xã

a) Hưởng phụ cấp hàng tháng, phụ cấp kiêm nhiệm (nếu có) và các chế độ khác theo quy định của pháp luật và được bảo lưu phụ cấp (không bao gồm phụ cấp kiêm nhiệm) trong thời gian 06 tháng đối với người HĐKCT ở cấp xã được người có thẩm quyền điều động, bố trí, sắp xếp sang đảm nhiệm chức danh không chuyên trách khác ở cấp xã khi có mức phụ cấp thấp hơn;

b) Cộng điểm ưu tiên trong thi tuyển hoặc xét tuyển công chức cấp xã theo quy định tại khoản 2 Điều 6 Quyết định này;

c) Xem xét cử đi đào tạo, bồi dưỡng kiến thức phù hợp với yêu cầu nhiệm vụ hiện đang đảm nhiệm và được hưởng chế độ đào tạo, bồi dưỡng theo quy định. Đối với các trường hợp thuộc đối tượng quy hoạch ở chức vụ cao hơn được ưu tiên xem xét bồi dưỡng lý luận chính trị, đào tạo chuyên môn nghiệp vụ phù hợp với tiêu chuẩn chức vụ được quy hoạch;

d) Hưởng các chế độ về thời gian làm việc, làm thêm giờ, nghỉ phép, nghỉ lễ, tết theo quy định của pháp luật;

đ) Ngoài những quyền trên, người HĐKCT ở cấp xã được hưởng các quyền khác theo quy định của pháp luật và theo quy định của điều lệ, tổ chức mà người HĐKCT là thành viên.

2. Nghĩa vụ của người HĐKCT ở cấp xã

a) Thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ quy định tại Quyết định này;

b) Có ý thức tổ chức kỷ luật; nghiêm chỉnh chấp hành nội quy, quy chế của cơ quan, tổ chức và hương ước, quy ước của địa phương nơi cư trú; giữ gìn, bảo vệ tài sản công; bảo vệ bí mật nhà nước theo quy định của pháp luật;

c) Chủ động, phối hợp chặt chẽ trong việc thực hiện nhiệm vụ; giữ gìn đoàn kết trong cơ quan, tổ chức và địa phương nơi cư trú;

d) Ngoài những nghĩa vụ trên, người HĐKCT ở cấp xã còn thực hiện những nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và theo quy định của điều lệ, tổ chức mà người HĐKCT là thành viên.

**Điều 31. Điều động, đánh giá xếp loại người HĐKCT ở cấp xã**

1. Điều động: Chủ tịch UBND cấp xã quyết định điều động người HĐKCT ở cấp xã trong nội bộ đơn vị cấp xã sau khi thống nhất trong Thường trực cấp ủy. Riêng đối với người HĐKCT ở cấp xã giữ các chức danh bầu cử, bổ nhiệm thì phải được miễn nhiệm trước khi điều động.

2. Đánh giá, xếp loại: Nội dung, hình thức, quy trình, thẩm quyền đánh giá, xếp loại thực hiện theo quy định tại khoản 4 Điều 36 Nghị định số 33/2023/NĐ-CP. Kết quả đánh giá là căn cứ để bố trí, sử dụng, bổ nhiệm, đào tạo, bồi dưỡng, khen thưởng, kỷ luật và thực hiện chính sách đối với những người HĐKCT ở cấp xã.

3. Khen thưởng thực hiện theo quy định tại khoản 5 Điều 36 Nghị định số 33/2023/NĐ-CP.

**Điều 32. Xử lý kỷ luật người HĐKCT ở cấp xã**

1. Hình thức kỷ luật thực hiện theo quy định tại điểm d khoản 6 Điều 36 Nghị định số 33/2023/NĐ-CP. Không áp dụng hình thức kỷ luật hạ bậc lương đối với người HĐKCT ở cấp xã.

2. Nguyên tắc xử lý kỷ luật thực hiện theo quy định của Chính phủ về xử lý, kỷ luật cán bộ, công chức.

3. Thẩm quyền, nội dung, quy trình xử lý kỷ luật

a) Chức danh bầu cử thực hiện theo quy định tại điểm a, điểm d khoản 6 Điều 36 Nghị định số 33/2023/NĐ-CP;

b) Chức danh người HĐKCT ở cấp xã giúp việc cho Chỉ huy trưởng BCHQS cấp xã thực hiện theo quy định điểm c khoản 6 Điều 36 Nghị định số 33/2023/NĐ-CP;

c) Chức danh còn lại thực hiện theo quy định tại điểm b, d khoản 6 Điều 36 Nghị định số 33/2023/NĐ-CP.

**Điều 33. Bãi nhiệm, miễn nhiệm, giải quyết thôi việc, nghỉ hưu người HĐKCT ở cấp xã**

1. Người HĐKCT ở cấp xã bị bãi nhiệm, miễn nhiệm được hưởng chế độ, chính sách theo quy định của pháp luật có liên quan và quy định của điều lệ tổ chức mà người HĐKCT ở cấp xã là thành viên.

2. Người HĐKCT ở cấp xã được giải quyết chế độ thôi việc trong các trường hợp sau:

a) Có 02 (hai) năm liên tiếp được đánh giá là không hoàn thành nhiệm vụ;

b) Theo nguyện vọng và được sự đồng ý của người có thẩm quyền theo phân cấp quản lý cán bộ và các quy định hiện hành;

c) Người HĐKCT ở cấp xã tham gia Bảo hiểm xã hội bắt buộc khi được cơ quan có thẩm quyền quyết định cho thôi việc thì được hưởng chế độ, chính sách theo quy định của Luật Bảo hiểm xã hội.

3. Người HĐKCT ở cấp xã đã có thời gian tham gia Bảo hiểm xã hội bắt buộc đảm bảo theo quy định của pháp luật về bảo hiểm xã hội và pháp luật về lao động thì được hưởng chế độ hưu trí.

4. Thẩm quyền giải quyết chế độ thôi việc, chế độ hưu trí do Chủ tịch UBND cấp huyện xem xét, quyết định trên cơ sở đề nghị của Chủ tịch UBND cấp xã.

**Điều 34. Bố trí kiêm nhiệm đối với người HĐKCT ở cấp xã**

1. Chủ tịch UBND cấp xã căn cứ yêu cầu nhiệm vụ, trình độ, năng lực, tiêu chuẩn người HĐKCT ở cấp xã quyết định kiêm nhiệm chức danh người HĐKCT ở cấp xã và phải bảo đảm không vượt quá số lượng người NHĐKCT ở cấp xã, mức phụ cấp theo quy định.

2. Trường hợp quyết định kiêm nhiệm chức danh quân sự, Chủ tịch UBND cấp xã có văn bản thống nhất với Chỉ huy trưởng BCHQS cấp huyện.

**Chương VI**

**TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

**Điều 35. Điều khoản thi hành**

1. Ngoài những nội dung quản lý được quy định tại Quy định này, những nội dung quản lý cán bộ, công chức cấp xã khác như: điều động, tiếp nhận, trình tự, thủ tục đánh giá, xếp loại chất lượng cán bộ, công chức cấp xã, xét chuyển cán bộ cấp xã vào công chức từ cấp huyện trở lên, khen thưởng, xin thôi làm nhiệm vụ, từ chức, bãi nhiệm, miễn nhiệm, thôi giữ chức vụ đối với cán bộ cấp xã; thôi việc đối với công chức cấp xã; nghỉ hưu, kỷ luật đối với cán bộ, công chức cấp xã (bao gồm cả công chức cấp xã đã nghỉ việc, nghỉ hưu, mới phát hiện ra hành vi vi phạm trong thời gian công tác) và một số chế độ chính sách khác được thực hiện theo quy định của Luật Cán bộ, công chức, các Nghị định, Thông tư và các văn bản của tỉnh có liên quan đến quản lý cán bộ, công chức.

2. Cán bộ cấp xã được phê chuẩn và công chức cấp xã được tuyển dụng trước ngày 25/12/2019 chưa đủ điều kiện tiêu chuẩn quy định tại khoản 2 Điều 37 Quyết định số 38/2020/QĐ-UBND ngày 24/11/2020 của UBND tỉnh thì tiếp tục phải đáp ứng đủ các điều kiện tiêu chuẩn trong thời hạn quy định tại khoản 2 Điều 37 Quyết định số 38/2020/QĐ-UBND ngày 24/11/2020 của UBND tỉnh;

Trường hợp cán bộ cấp xã đang giữ chức vụ bầu cử chưa đáp ứng đủ tiêu chuẩn quy định tại Điều 3 Quyết định này và công chức cấp xã đang giữ chức danh chưa đáp ứng đủ tiêu chuẩn quy định tại Điều 3, Điều 4 Quyết định này và người HĐKCT ở cấp xã chưa đáp ứng đủ tiêu chuẩn quy định tại  khoản 1 Điều 36 Nghị định số 33/2023/NĐ-CP thì trong thời hạn 05 năm kể từ ngày 01/8/2023 phải đáp ứng đủ tiêu chuẩn theo quy định.

Hết thời hạn quy định tại Điều này, cán bộ, công chức cấp xã chưa đáp ứng đủ tiêu chuẩn theo quy định thì thực hiện chế độ nghỉ hưu (nếu đủ điều kiện) hoặc thực hiện chính sách tinh giản biên chế theo quy định của Chính phủ.

3. Trong quá trình thực hiện nếu có vấn đề phát sinh, vướng mắc, các cơ quan, đơn vị phản ánh về UBND tỉnh (qua Sở Nội vụ) để hướng dẫn thực hiện hoặc xem xét, quyết định sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.

**TM. UỶ BAN NHÂN DÂN**

**CHỦ TỊCH**

**Lê Ánh Dương**

**Mẫu số 01**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  
----------------**

*…………, ngày.... tháng.... năm ……*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| *(Dán ảnh 4x6)* | **PHIẾU ĐĂNG KÝ DỰ TUYỂN**  **Vị trí dự tuyển(1**):.........................................  **Đơn vị dự tuyển(2)**……………………………… |  |

**I. THÔNG TIN CÁ NHÂN**

|  |
| --- |
| Họ và tên: …………………………  Ngày, tháng, năm sinh: ………………………………………… Nam(3) □ Nữ □  Dân tộc: …………………………………… Tôn giáo: ....…………  Số CMND hoặc Thẻ căn cước công dân: ……… Ngày c  ấp: ……… Nơi cấp: …  Ngày vào Đảng Cộng sản Việt Nam: ……………… Ngày chính thức: …………  Số điện thoại di động để báo tin: ……………………… Email: ……….... |
| Quê quán: ………………………………………………………………… |
| Hộ khẩu thường trú: …………………………………………………………… |
| Chỗ ở hiện nay (để báo tin): ……………………………………………………… |
| Tình trạng sức khoẻ: …………Chiều cao: ……………… Cân nặng: ………kg |
| Thành phần bản thân hiện nay: …………………………………………………… |
| Trình độ văn hoá: ………………………………………………………… |
| Trình độ chuyên môn: ………………………………………………… |

**II. THÔNG TIN CƠ BẢN VỀ GIA ĐÌNH**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Mối quan hệ** | **Họ và tên** | **Ngày, tháng, năm sinh** | **Quê quán, nghề nghiệp, chức danh, chức vụ, cơ quan, tổ chức công tác, học tập, nơi ở (trong, ngoài nước); thành viên các tổ chức chính trị - xã hội.....)** |
|  |  |  |  |
|  |  |  |  |
|  |  |  |  |

**III. THÔNG TIN VỀ QUÁ TRÌNH ĐÀO TẠO**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Ngày, tháng, năm cấp văn bằng, chứng chỉ** | **Tên trường, cơ sở đào tạo cấp** | **Trình độ văn bằng, chứng chỉ** | **Số hiệu của văn bằng, chứng chỉ** | **Chuyên ngành đào tạo (ghi theo bảng điểm)** | **Ngành đào tạo** | **Hình thức đào tạo** | **Xếp loại bằng, chứng chỉ** |
|  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |

**IV. THÔNG TIN VỀ QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC (nếu có)**

|  |  |
| --- | --- |
| **Từ ngày, tháng, năm đến ngày, tháng, năm** | **Cơ quan, tổ chức công tác** |
|  |  |
|  |  |
|  |  |
|  |  |

**V. MIỄN THI NGOẠI NGỮ, TIN HỌC**

*(Thí sinh thuộc diện miễn thi ngoại ngữ, tin học cần ghi rõ lý do miễn thi ở mục này)*

Miễn thi ngoại ngữ do: ……………………………………………………

Miễn thi tin học do: ………………………………………………………

**VI. ĐĂNG KÝ DỰ THI MÔN NGOẠI NGỮ**

*(Thí sinh lựa chọn và ghi rõ đăng ký thi một trong năm thứ tiếng: Anh, Nga, Pháp, Đức, Trung Quốc hoặc ngoại ngữ khác theo yêu cầu của vị trí việc làm tại Thông báo tuyển dụng).*

Đăng ký dự thi ngoại ngữ: ………………………………………………………

**VII. ĐỐI TƯỢNG ƯU TIÊN (nếu có)**

…………………………………………………………………………………………

**VII. NỘI DUNG KHÁC THEO YÊU CẦU CỦA CƠ QUAN CÓ THẨM QUYỀN TUYỂN DỤNG**

………………………………………………………………………………………

Tôi xin cam đoan những lời khai trên của tôi là đúng sự thật. Sau khi nhận được thông báo trúng tuyển tôi sẽ hoàn thiện hồ sơ theo quy định. Nếu sai sự thật thì kết quả tuyển dụng của tôi sẽ bị cơ quan có thẩm quyền tuyển dụng hủy bỏ, tôi sẽ chịu trách nhiệm trước pháp luật và cam kết không đăng ký tham gia kỳ tuyển dụng kế tiếp tại cơ quan tuyển dụng./.

|  |  |
| --- | --- |
|  | **NGƯỜI VIẾT PHIẾU** *(Ký, ghi rõ họ tên)* |

***Ghi chú:***

(1) Ghi đúng vị trí việc làm đăng ký dự tuyển;

(2) Ghi đúng tên cơ quan, tổ chức, đơn vị có chỉ tiêu tuyển dụng;

(3) Người viết phiếu tích dấu X vào ô tương ứng ô Nam, Nữ.